

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/KDTM-PT
Ngày 29-12-2025
V/v: Tranh chấp Hợp đồng giao khoán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy.
Các Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn và ông Triệu Ngọc Thúc.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Hảo - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2025/TLPT-KDTM, ngày 08 tháng 10 năm 2025, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng giao khoán*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST, ngày 26 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2025/QĐ-PT, ngày 20 tháng 10 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐ-PT, ngày 10/11/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐ-PT, ngày 21/11/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐ-PT, ngày 26/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2025/QĐ-PT, ngày 29/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Đ2.

Địa chỉ: Số B, đường L, tổ dân phố H, phường A, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Đ; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc – *Vắng mặt có người đại diện theo ủy quyền.*

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Đức T, sinh năm 1974 – *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường M, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ3.

Địa chỉ: Khu C, xã V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Anh P; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị - *vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Đông Phong: Công ty L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H; Chức vụ: Giám đốc – *vắng mặt;*

Địa chỉ: Số D, đường N, phường V, tỉnh Phú Thọ.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần Đ3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Căn cứ vào Hợp đồng giao khoán số 051-16/HĐ-XD ngày 05/01/2016 (Sau đây gọi là Hợp đồng 051) giữa Công ty cổ phần Đ3 (Sau đây gọi là Công ty Đ3) và Công ty TNHH Đ2 (Sau đây gọi là Công ty Đ2) về việc giao khoán thi công xây dựng công trình đường giao thông lên trung tâm chính trị - hành chính huyện L (giai đoạn 2) thuộc dự án Trung tâm chính trị - hành chính huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Biên bản thanh lý hợp đồng số 01-19/TL-HĐ-XD ngày 29/01/2019 giữa Công ty Đ3 và Công ty Đ2 (Sau đây gọi là Biên bản thanh lý).

Sau khi ký Biên bản thanh lý hợp đồng, hai bên cùng thống nhất xác nhận Công ty Đ2 đã hoàn thành khối lượng công việc và các điều khoản đã được ký kết tại Hợp đồng 051 và Công ty Đ3 có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại cho Công ty Đ2 ngay sau khi Công ty Đ3 nhận được tiền thanh toán từ chủ đầu tư.

Đến năm 2022, chúng tôi được biết Chủ đầu tư đã thanh toán cho Công ty Đ3 với số tiền 4.859.871.000 đồng. Cụ thể:

- Đợt 1 (Ngày 28/12/2015): Chủ đầu tư tạm ứng cho Công ty CP Đ3 số tiền: 1.755.456.000 đồng (đính kèm bản sao Giấy rút vốn đầu tư số 15 ngày 28/12/2015 của Kho bạc Nhà nước). Số tiền tạm ứng này được Chủ đầu tư thanh toán và thu hồi tạm ứng thành 2 lần:

- + Lần 1: Ngày 30/8/2016, Chủ đầu tư thanh toán tạm ứng giá trị KLXL hoàn thành lần 1 với số tiền: 1.215.713.000 đồng (đính kèm Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư của Ban Q ngày 30/8/2016).

- + Lần 2: Ngày 24/12/2016, Chủ đầu tư thanh toán tạm ứng giá trị KLXL hoàn thành lần 2 bằng cách thu hồi tạm ứng số tiền còn lại là: 539.743.000 đồng.

- Đợt 2 (Ngày 30/8/2016): Thanh toán giá trị KLXL hoàn thành lần 1 số tiền: 1.000.000.000 đồng (đính kèm bản sao Giấy rút vốn đầu tư số 06 ngày 30/8/2016 của Kho bạc Nhà nước);

- Đợt 3 (Ngày 30/3/2020): 1.709.038.000 đồng.

- Đợt 4 (Ngày 16/6/2020): 395.377.000 đồng.

Công ty C đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại, 05 (năm) lần gửi

Công văn tới Công ty Đ3 yêu cầu thanh toán nợ nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi và sự hợp tác từ Công ty Đ3.

Vậy, Công ty Đ2 kính đề nghị Tòa án:

1. Buộc Công ty Đ3 thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo giá trị công việc hoàn thành cho Công ty Đ2 số tiền nợ gốc là: 4.859.871.000 đồng (Bằng chữ: *Bốn tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn đồng*).

2. Buộc Công ty Đ3 thanh toán tiền lãi tính theo lãi suất cho vay quá hạn phải thanh toán theo Điều 8 của Hợp đồng giao khoán số 051-16/HĐ-XD ngày 05/01/2016 từ thời điểm Công ty Đ3 nhận được tiền từ chủ đầu tư cho đến thời điểm hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Đ2.

Căn cứ lãi suất cho vay của Ngân hàng T1 mà Công ty Đ2 mở tài khoản, Công ty Đ3 phải trả tạm tính đến ngày 26/7/2025, cụ thể như sau:

1) Khoản tiền 2.215.713.000 đồng (gồm 1.215.713.000 đồng Chủ đầu tư thanh toán tạm ứng giá trị KLXL hoàn thành lần 1 và 1.000.000.000 đồng Chủ đầu tư thanh toán giá trị KLXL hoàn thành lần 1) Công ty CP Đ3 nhận được từ Chủ đầu tư ngày 30/8/2016, tổng tiền lãi phải trả là: 1.806.528.478 đồng, cụ thể:

Năm 2016: $2.215.713.000 \times 7,8\% : 365 \times 115 \times 150\% = 81.677.859$ đồng
(Từ ngày 07/9/2016 đến hết ngày 31/12/2016 là 115 ngày);

Năm 2017: $2.215.713.000 \times 7,8\% \times 150\% = 259.238.421$ đồng;

Năm 2018: $2.215.713.000 \times 6,5\% \times 150\% = 216.032.018$ đồng;

Năm 2019: $2.215.713.000 \times 6,5\% \times 150\% = 216.032.018$ đồng;

Năm 2020: $2.215.713.000 \times 5,5\% \times 150\% = 182.796.323$ đồng;

Năm 2021: $2.215.713.000 \times 6,5\% \times 150\% = 216.032.018$ đồng;

Năm 2022: $2.215.713.000 \times 8,5\% \times 150\% = 282.503.408$ đồng;

Năm 2023: $2.215.713.000 \times 3,5\% \times 150\% = 116.324.933$ đồng;

Năm 2024: $2.215.713.000 \times 5\% \times 150\% = 166.178.475$ đồng;

Năm 2025: $2.215.713.000 \times 4,4\% : 365 \times 206 \text{ ngày} \times 150\% = 82.533.792$ đồng;
(Từ 01/01/2025 đến 26/7/2025 là 206 ngày);

2) Khoản tiền 539.743.000 đồng, Chủ đầu tư thanh toán tạm ứng giá trị KLXL hoàn thành lần 2 ngày 24/12/2016 tiền lãi là: 420.169.962 đồng, chi tiết :

Năm 2017: $539.743.000 \times 7,8\% \times 150\% = 63.149.931$ đồng;

Năm 2018: $539.743.000 \times 6,5\% \times 150\% = 52.624.943$ đồng;

Năm 2019: $539.743.000 \times 6,5\% \times 150\% = 52.624.943$ đồng;

Năm 2020: $539.743.000 \times 5,5\% \times 150\% = 44.528.798$ đồng;

Năm 2021: $539.743.000 \times 6,5\% \times 150\% = 52.624.943$ đồng;

Năm 2022: $539.743.000 \times 8,5\% \times 150\% = 68.817.233$ đồng;

Năm 2023: $539.743.000 \times 3,5\% \times 150\% = 28.336.508$ đồng;

Năm 2024: $539.743.000 \times 5\% \times 150\% = 40.480.725$ đồng.

Năm 2025: $539.743.000 \times 4,4\% : 365 \times 206 \times 150\% = 20.105.057$ đồng.
(Từ 01/01/2025 đến 26/7/2025 là 206 ngày).

3) Khoản tiền 1.709.038.000 đồng chủ đầu tư thanh toán và Công ty CP Đ3 nhận được ngày 30/3/2020 tiền lãi là: 759.732.943 đồng, chi tiết:

Năm 2020: $1.709.038.000 \times 5,5\% : 365 \times 268 \times 150\% = 127.475.659$ đồng;
(Bắt đầu tính lãi từ ngày 07/4/2020 đến hết ngày 31/12/2020 là 268 ngày).

Năm 2021: $1.709.038.000 \times 6,5\% \times 150\% = 166.631.205$ đồng.

Năm 2022: $1.709.038.000 \times 8,5\% \times 150\% = 217.902.345$ đồng.

Năm 2023: $1.709.038.000 \times 3,5\% \times 150\% = 89.724.495$ đồng.

Năm 2024: $1.709.038.000 \times 5\% \times 150\% = 128.177.850$ đồng.

Năm 2025: $1.709.038.000 \times 4,4\% : 365 \times 206 \times 150\% = 63.660.495$ đồng.
(Từ 01/01/2025 đến 26/7/2025 là 206 ngày).

4) Khoản tiền 395.377.000 đồng chủ đầu tư thanh toán và Công ty CP Đ3 nhận được ngày 16/6/2020 tiền lãi là: 168.789.691 đồng, chi tiết:

Năm 2020: $395.377.000 \times 5,5\% : 365 \times 190 \times 150\% = 16.979.547$ đồng;
(Từ ngày 24/6/2020 đến hết ngày 31/12/2020 là 190 ngày)

Năm 2021: $395.377.000 \times 6,5\% \times 150\% = 38.549.258$ đồng.

Năm 2022: $395.377.000 \times 8,5\% \times 150\% = 50.410.568$ đồng.

Năm 2023: $395.377.000 \times 3,5\% \times 150\% = 20.757.293$ đồng.

Năm 2024: $395.377.000 \times 5\% \times 150\% = 29.653.275$ đồng.

Năm 2025: $395.377.000 \times 4,4\% : 365 \times 206 \times 150\% = 14.727.522$ đồng.

(Từ 01/01/2025 đến 26/7/2025 là 206 ngày).

* Tổng số tiền nợ gốc và lãi Công ty Cổ phần Đ3 phải thanh toán cho Công ty TNHH Đ2 tính đến thời điểm ngày 26/7/2025 là: $4.859.871.000$ đồng + $3.183.341.753$ đồng = $8.043.212.753$ đồng

Yêu cầu Công ty Đ3 phải trả cho Công ty Đ2 chi phí giám định là $4.911.000$ đồng.

*** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày tại phiên tòa:**

Ông H xác định ông Lương Anh P là người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ3, chữ ký trong Hợp đồng giao khoán số 051-16/HĐ-XD ngày 05/01/2016 và Biên bản thanh lý hợp đồng số 01-19/TL-HĐ-XD ngày 29/01/2019 đúng là chữ ký của ông Lương Anh P; Xác định Công ty Đ3 đã nhận được số tiền từ chủ đầu tư là $4.859.871.000$ đồng.

Nguyên đơn trình bày không đúng đơn khởi kiện mà nguyên đơn đã nộp tại tòa, cụ thể tại đơn khởi kiện (BL số 02), đơn khởi kiện không ghi số ngày tháng năm, có dấu công văn đến của Tòa án là ngày 31/12/2024 thì nguyên đơn khởi kiện không có số liệu năm 2025, như vậy việc nguyên đơn khởi kiện khác và trình bày tại phiên tòa lại khác.

Trong biên bản thanh lý hợp đồng ngày 29/01/2019 ghi chúng tôi phải thanh toán cho nguyên đơn khi nhận đủ tiền từ Chủ đầu tư nhưng thực tế có những khoản tiền chúng tôi được nhận trước năm 2019, thì chỉ khoản nào sau đó nếu có thì mới phải thực hiện việc thanh toán. Nhưng trong đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiện chúng tôi cả những khoản tiền trước thời điểm chúng tôi ký hợp đồng giao khoán với nguyên đơn.

Đề nghị HĐXX yêu cầu nguyên đơn cung cấp Hợp đồng theo đúng đơn khởi kiện của nguyên đơn bởi vì trong đúng đơn khởi kiện ghi như sau “Căn cứ hợp đồng giao khoán 051-16 ngày 05/1/2006”. Sau khi ký biên bản thanh lý hợp đồng, hai bên cùng xác nhận Công ty Đ2 đã hoàn thành thành khối lượng công việc tại hợp đồng ngày 05/01/2006, vậy đề nghị công ty Đ2 cung cấp hợp đồng năm 2006 vì công ty Đ2 kiện hợp đồng 2006, nhưng lại nộp tài liệu cho Tòa án là năm 2016, không phù hợp với yêu cầu khởi kiện. Trong các bản khai, các tài liệu ở Tòa, nguyên đơn không sửa đổi bổ sung, không thay đổi yêu cầu khởi kiện. Như vậy Tòa án thụ lý khác với nội dung đơn khởi kiện. Phần tính lãi trong đơn khởi kiện khác so với phiên tòa hôm nay nhưng không có sự thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện. Phần thủ tục Tòa án cũng đã hỏi có bổ sung tài liệu chứng cứ, có thay đổi yêu cầu không thì nguyên đơn nói không có. Tại sao biên bản hoàn thành khối lượng lại không có trong hồ sơ này. Tại sao số tiền theo biên bản thanh lý hợp đồng là $4.859.871.000$ đồng nhưng xuất hóa đơn là $2.403.780.038$ đồng? Nguyễn Thị H1 và Bùi Thị Y là người của Công ty nào? Đề nghị đưa hai người này vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì ký tên trong mục “người mua hàng” và “người bán hàng” ở hóa đơn giá trị gia tăng.

Công ty Đ2 cũng làm cùng công trình tại Hợp đồng liên danh nên phải biết Công ty Đ3 đã được Chủ đầu tư thanh toán tiền. Theo Điều 429 Bộ luật Dân sự quy định về thời hiệu khởi kiện, nếu chẳng có thì ngày 09/01/2019 ký hợp đồng thanh lý, đến ngày 14/12/2022 Công ty Đ2 mới có công văn. Như vậy đã quá thời hạn 03 năm kể từ ngày họ biết quyền lợi của mình bị xâm phạm mà không thực hiện quyền khởi kiện nên đã hết thời hiệu quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử vụ án vì hết thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu công ty Đ3 trả tiền gốc và lãi chậm trả theo hợp đồng và biên bản thanh lý, Công ty Đ2 nộp thêm văn bản trình bày ý kiến và có bổ sung phần tính lãi trong văn bản trình bày ý kiến là tính lãi đến ngày xét xử 26/7/2025.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 429 Bộ luật Dân sự đình chỉ xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng về thụ lý vụ án; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26; các điều 35; 39; 147; 161; 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 483, 484, 493 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ2.
2. Tuyên xử: Buộc Công ty CP Đ3 phải trả cho Công ty Đ2 4.859.871.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tương ứng với số tiền gốc tính đến ngày 26/7/2025.
3. Về chi phí giám định: Buộc Công ty CP Đ3 phải trả cho Công ty Đ2 chi phí giám định.
4. Về án phí: Buộc Công ty CP Đ3 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Các đương sự không thống nhất được về việc giải quyết tranh chấp. Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 01/2025/KDTM-ST, ngày 26/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang, đã quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 92; Điều 147, 161, 266 và Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, 385, 418, 429, 468, 668 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ2 về việc yêu cầu Công ty cổ phần Đ3 trả tiền giá trị thi công công trình và tiền lãi chậm trả theo hợp đồng giao khoán số 051-16/HĐ-XD ngày 05/01/2016 giữa Công ty cổ phần Đ3 và Công ty TNHH Đ2.

2. Buộc Công ty cổ phần Đông Phong phải trả cho Công ty TNHH Đ2 số tiền là **8.043.212.753 đồng** (*Tám tỷ, không trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm mười hai nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng*), trong đó tiền giá trị công việc hoàn thành là: **4.859.871.000 đồng** (*Bốn tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn đồng*) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng là **3.183.341.753 đồng** (*Ba tỷ, một trăm tám mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng*).

Buộc Công ty cổ phần Đông Phong phải trả cho Công ty TNHH Đ2 số tiền chi phí giám định là **4.911.000 đồng** (*Bốn triệu chín trăm mười một nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/8/2025 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần Đ3 là ông Nguyễn Văn H kháng cáo đề nghị hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST, ngày 26/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Ông Lương Anh P người đại diện theo pháp luật của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có đơn đề nghị như sau: Công ty TNHH Đ2 cho rằng chủ đầu tư đã thanh toán tiền cho Công ty Đ3 nhưng số tiền chủ đầu tư thanh toán, tạm ứng một phần theo hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đ3 là trước thời điểm công ty Đ3 ký Hợp đồng giao khoán số 051-16/HĐ-XD ngày 05/01/2016 với Công ty TNHH Đ2. Trong tờ hóa đơn giá trị gia tăng ngày 30/4/2017; ngày 31/12/2020 thể hiện bên mua hàng là bà Nguyễn Thị H1 (bà H1 là nhân viên Công ty Cổ phần Đ3) nhưng bên bán hàng là bà Bùi Thị Y ký tên. Tôi đề nghị đưa bà H1 và bà Y tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ trình tự, thủ tục, cơ sở để xuất hóa đơn giá trị gia tăng và để đối chiếu với số tiền mà Công ty Cổ phần Đ3 đã nhận từ chủ đầu tư có khớp với số tiền mà Công ty TNHH Đ2 đã khởi kiện hay không.

- Ông Ngô Đức T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm đưa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trung tâm chính trị - hành chính huyện L, tỉnh Tuyên Quang (chủ đầu tư)

tham gia tố tụng để làm rõ những nội dung sau: Chủ đầu tư đã thanh toán cho Công ty Đ3 số tiền bao nhiêu; thanh toán bằng hình thức nào, vào thời gian nào.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, tại phiên tòa phúc thẩm:**

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm; sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn là hợp lệ, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc giảm giá trị hợp đồng giao khoán số 051-16/HĐ-XD ngày 05/01/2016 từ 8.378.932.000 đồng xuống còn 4.859.871.0000 đồng; chưa thu thập đầy đủ biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành công trình theo tiến độ; chưa thu thập biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng, nên chưa xác định chính xác thời điểm bắt đầu tính lãi của các khoản tiền tương ứng với khối lượng hoàn thành, khoản tiền lãi của số tiền giữ lại bảo hành công trình (sau 12 tháng) mà đã tính lãi ngay sau 07 ngày công ty Đ3 nhận được các khoản tiền thanh toán khối lượng từ chủ đầu tư (tính lãi khoản tiền 2.215.713.000 đồng kể từ ngày 7/9/2016; khoản tiền 593.743.000 đồng kể từ ngày 24/12/2016; khoản tiền 1.709.038.000 đồng kể từ ngày 07/4/2020; khoản tiền 395.377.000 đồng kể từ ngày 24/6/2020) với tổng số tiền lãi là 3.183.341.753 đồng là chưa đảm bảo quyền lợi của Công ty Đ3.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện theo pháp luật của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có đơn đề nghị làm rõ về số tiền chủ đầu tư thanh toán, tạm ứng một phần theo hợp đồng cho Công ty Đ3 là trước thời điểm công ty Đ3 ký Hợp đồng giao khoán số 051-16/HĐ-XD ngày 05/01/2016 với Công ty Đ2. Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 30/4/2017; ngày 31/12/2020 thể hiện bên mua hàng là bà Nguyễn Thị H1, bên bán hàng là bà Bùi Thị Y ký tên, nên đề nghị đưa bà H1 và bà Y tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ trình tự, thủ tục, cơ sở đề xuất hóa đơn giá trị gia tăng và đề đối chiếu với số tiền mà Công ty Cổ phần Đ3 đã nhận.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm đưa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng trung tâm chính trị - hành chính huyện L, tỉnh Tuyên Quang (chủ đầu tư) tham gia tố tụng để làm rõ nội dung Chủ đầu tư đã thanh toán cho Công ty Đ3 số tiền bao nhiêu; thanh toán bằng hình thức nào, vào thời gian nào.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Hủy Bản án KDTM sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST, ngày 26/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang.

Đối với tiền chi phí tố tụng và tiền án phí sơ thẩm sẽ được cấp sơ thẩm xem xét, quyết định khi giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí phúc thẩm; trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 05/8/2025 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Đ3. Kháng cáo Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 01/2025/KDTM-ST, ngày 26/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần Đ3 là ông Nguyễn Văn H đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo về việc kháng cáo là phù hợp với quy định của pháp luật và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Theo Đơn khởi kiện Tòa án cấp sơ thẩm nhận ngày 31/12/2024 Công ty TNHH Đ2 (sau đây gọi là Công ty Đ2 và Công ty Cổ phần Đ3 (sau đây gọi là công ty Đ3) ký kết Hợp đồng giao khoán số: 051-16/HĐ-XD, về việc: Giao khoán thi công xây dựng công trình đường giao thông lên trung tâm chính trị - hành chính huyện L (giai đoạn 2) thuộc dự án Trung tâm chính trị - hành chính huyện L, tỉnh Tuyên Quang; tổng giá trị hợp đồng ký kết là 8.378.932.000 đồng (*Tám tỷ, ba trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn đồng*), (sau đây gọi là Hợp đồng 051). Sau khi thực hiện xong những nội dung công việc trong hợp đồng giao khoán Công ty Đ2 và Công ty Đ3 đã ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng số 01-19/TL-HĐ-XD ngày 29/01/2019 (*bút lục số 15 đến 16*). Hai bên thỏa thuận tại Điều 4.5 của Hợp đồng “*Điều kiện thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho bên B không chậm hơn 7 ngày khi bên A nhận được tiền thanh toán khối lượng hoàn thành của bên B thi công từ Chủ đầu tư*” nguyên đơn cho rằng bên phía Công ty Đ3 nhận được tiền từ phía Chủ đầu tư nhưng không thực hiện việc thanh toán cho Công ty Đ2 như thỏa thuận nên Công ty Đ2 khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại đề nghị Tòa án buộc Công ty Đ3 phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 4.859.871.000 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn đồng*) và số tiền lãi phát sinh là 3.356.516.900 đồng (*Ba tỷ, ba trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm mười sáu nghìn, chín trăm đồng*) cho Công ty Đ2.

Sau khi có bản án sơ thẩm Công ty Đ3 không nhất trí với quyết định của bản án nên đã kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, thu thập tài liệu không đầy đủ. Tại cấp phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát đề nghị làm rõ việc giảm giá trị hợp đồng giao khoán số 051-16/HĐ-XD ngày 05/01/2016 từ 8.378.932.000 đồng xuống còn 4.859.871.0000 đồng; thu thập biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành công trình theo tiến độ giữa công ty Đ2 và Công ty Đ3 và biên bản nghiệm thu để đưa công trình vào sử dụng. Nguyên đơn Công ty Đ2 đề nghị đưa ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trung tâm chính trị - hành chính huyện L, tỉnh Tuyên Quang; bị đơn Công ty cổ phần Đông Phong đề nghị đưa bà Nguyễn Thị H1, bà Bùi Thị Y vào tham gia tố tụng đây là tình tiết khách quan mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm. Nhận thấy yêu cầu của kiểm sát viên và đề nghị của đương sự là có căn cứ chấp nhận nhưng cấp phúc thẩm không thể khắc phục, giải quyết ngay tại cấp

phúc thẩm. Do đó cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST, ngày 26/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm quy định tại khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa phúc thẩm.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo của ông Nguyễn Văn H người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Đ3 được chấp nhận, nên không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Công ty Cổ phần Đ3 đã nộp theo quy định.

Đối với tiền chi phí tố tụng và tiền án phí sơ thẩm sẽ được cấp sơ thẩm xem xét, quyết định khi giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn H người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Đ3. Hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST, ngày 26/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần Đ3 không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Đ3 (do ông Dương Văn Đ1 nộp thay) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000384, ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

3. Đối với tiền chi phí tố tụng và tiền án phí sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, quyết định khi giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 29/12/2025.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- Viện phúc thẩm 1 tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND khu vực 1 -Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn

Triệu Ngọc Thúc

Nguyễn Xuân Thủy

